

Tri thức về biển trong văn học dân gian Việt Nam

Lê Đức Luận *

Tóm tắt: Việt Nam có ba yếu tố văn hóa cấu thành: văn hóa đồng bằng, văn hóa núi cao nguyên và văn hóa biển. Biển chiếm một vai trò quan trọng trong lịch sử hình thành dân tộc và địa bàn sinh sống. Tri thức về biển thể hiện trong văn học dân gian Việt Nam bao gồm: quan niệm giống nòi, lãnh thổ, giao thương trên biển đảo, nghề nghiệp liên quan đến biển; thói quen ăn uống đậm đà chất biển; lối sống, tính cách của người dân sống ven biển.

Từ khóa: Văn học dân gian; biển; tri thức; Việt Nam.

Việt Nam có ba yếu tố văn hóa cấu thành: văn hóa đồng bằng, văn hóa núi cao nguyên và văn hóa biển. Trong ba thành phần văn hóa trên thì văn hóa biển chiếm một vai trò quan trọng. Về diện tích thì vùng biển Việt Nam là một vùng không gian sinh tồn lớn nhất của dân tộc. Theo cách tính của Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Tổ chức Môi trường của Liên Hợp Quốc, bờ biển Việt Nam dài 11.409,1km (bao gồm đường bờ biển trên đất liền và các đảo). Còn đường bờ biển dọc đất liền dài 3.260 km (công bố trên website Chính phủ). Ngoài vùng nội thủy, Việt Nam có 12 hải lý lãnh hải, thêm 12 hải lý vùng tiếp giáp lãnh hải, 200 hải lý vùng đặc quyền kinh tế và cuối cùng là thềm lục địa. Diện tích vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam chiếm diện tích khoảng 1.000.000 km² Biển Đông. Diện tích đất liền vào khoảng 331.698 km². Như vậy, diện tích biển gấp hơn 3 lần diện tích đất liền.

Tri thức về biển thể hiện trong văn học dân gian Việt Nam bao gồm quan niệm giống nòi, lãnh thổ, giao thương trên biển đảo, nghề nghiệp liên quan đến biển; lối sống, tính cách của người dân sống ven biển.

Về nguồn gốc giống nòi, theo truyền thuyết *Lạc Long Quân và Âu Cơ* thì Lạc Long Quân là con trai Kinh Dương Vương, Long Nữ là con gái Long Vương. Lạc Long Quân là thần rồng từ biển kết duyên với Âu Cơ, người con gái vùng núi cao. Âu Cơ đẻ ra bọc trăm trứng, trăm trứng nở thành trăm con, thủy tổ của người Việt phương Nam.

Trong tư duy của người Việt thời cổ, lãnh thổ của mình chia hai vùng: vùng đồng bằng núi cao và vùng miền biển. Lạc Long Quân nói với Âu Cơ: “Ta là loài rồng, nàng là giống tiên, khó ở với nhau lâu dài. Nay ta đem năm mươi con về miền biển, còn nàng đem năm mươi con về miền núi, chia nhau

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.
ĐT: 0905560255. Email: leducluan3@gmail.com.

trị vì các nơi, kẻ lên núi, người xuống biển, nếu gặp sự nguy hiểm thì báo cho nhau biết, cứu giúp lẫn nhau, đừng có quên”. Trong truyền thuyết *Sơn Tinh Thủy Tinh*, Sơn Tinh là vị thủ lĩnh vùng đồng bằng núi cao và Thủy Tinh là vị thủ lĩnh vùng sông biển thuộc địa phận cai quản của Hùng Vương. Hai chàng tranh tài để được lấy công chúa Mị Nương, làm phò mã nối nghiệp vua Hùng. Việc Hùng Vương thiên vị, có ý cho Sơn Tinh thắng mặc dù hai chàng cân sức cân tài thể hiện tư duy về biển của thời Hùng Vương còn chưa được chú trọng. Theo Nguyễn Thị Hải Lê: “Xét theo trục không gian, chất biển từ nhạt ở miền Bắc, trở nên đậm hơn ở miền Trung và lại ít đi khi vào Nam Bộ; theo trục thời gian, chất biển ngày càng đậm đặc hơn theo tiến trình lịch sử”⁽¹⁾.

Tuy nhiên, tâm thế chinh phục biển đã có trong tư duy của người Việt thời tiền sử. Khi nối nghiệp cha, Lạc Long Quân đã chế ngự Ngư Tinh, biểu tượng của thủy quái vùng Vịnh Bắc Bộ hay làm hại tàu thuyền. Lạc Long Quân chém Ngư Tinh làm ba khúc. Khúc đầu của Ngư Tinh hóa thành con chó biển. Lạc Long Quân giết chết con chó biển; vớt đầu chó biển lên một hòn núi, nay gọi là Cầu Đầu Sơn. Khúc mình của Ngư Tinh trôi ra xứ Mạn Cầu, nay còn gọi là Cầu Đầu Thủy. Khúc đuôi của Ngư Tinh thì bị Lạc Long Quân lột lấy da đem phủ lên hòn đảo giữa biển, đảo ấy nay còn mang tên là Bạch Long Vĩ. Có lẽ, truyền thuyết *Sự tích dưa hấu* là câu chuyện về sự khai phá và sinh sống đầu tiên của người Việt thời cổ ở biển đảo. Đây là truyền thuyết đề cập đến nghề đánh cá: “Chiếc thuyền đánh cá đi lạc ra đảo”, sự giao thương buôn bán giữa đất liền với đảo: “Thuyền buôn có,

thuyền chài có, lũ lượt ra đỗ ở hải đảo đưa gạo, áo quần, gà lợn, dao búa, lại có cả các thứ hạt giống khác, để đổi lấy dưa”. Như vậy, sự giao thương, sinh sống trên đảo và các vùng biển có từ thời Hùng Vương. Kinh tế hàng hóa vào thời kì này đang dưới dạng sơ khai là hàng hóa đổi hàng hóa⁽²⁾.

Tâm thức về lãnh thổ của người Việt bao giờ cũng gắn với Biển Đông: “Quảng Nam là đất quê mình/ Núi đồng, sông biển rành rành từ lâu...”; “Đông thì biển rộng thênh thênh/ Đất đai trăm dặm rành rành như ghi...”

Bài ca dao này thể hiện niềm tự hào về tài nguyên đất đai, đặc biệt là có vùng biển “rộng thênh thênh” mở ra một không gian đại dương bao la. Không gian biển thể hiện trong các địa danh ven biển. Ven biển Đà Nẵng, địa danh các làng biển, các vũng, hòn dọc biển đã đi vào tiềm thức của người đất Quảng, tạo nên bức tranh thật hữu tình và sinh động: “Vũng Thùng còn ở trong xa/ Trước mũi Sơn Trà sau có Hòn Nghê/ Vũng Nôm Bãi Bắc dựa kê/ Mỹ Khê làng mới làm nghề lưới đăng/ Xóm trước hàng quán lẫn xã/ Xóm sau lưới cá bủa giăng tứ bề/ Ngũ Hành Sơn đã dựa kê/ Thấy chùa thờ Phật, Phật về thượng thiên”.

Địa danh ven biển gắn liền với quá trình giao lưu thương mại của cư dân đất Quảng với các nước trong khu vực và trên thế giới. Những địa danh như Hội An, Cù Lao xuất hiện rất nhiều trong những câu ca của người dân miền biển xứ Quảng với một niềm tự

⁽¹⁾ Nguyễn Thị Hải Lê (2010), “Đặc trưng văn hóa biển của người Việt”, Tap chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 315, Hà Nội.

⁽²⁾ Lê Đức Luận (2010), *Hệ thống biểu tượng trong truyền thuyết Việt Nam*, Thông báo Văn hóa dân gian, Hà Nội.

hào về vùng đất đô hội: “Hội An là chốn hữu tình/ Thuyền buôn, thuyền bán rập rình bến sông”; “Cù Lao đảo nhỏ quê ta/ Dạt dào sóng biển thuyền ra thuyền vào”.

Qua các bài về *Nhật trình biển*, hình ảnh ngư dân hiện lên đầy phóng khoáng, mạnh mẽ, tự tin, dám đối mặt với mạo hiểm của nghề sông nước. Về *Nhật trình ven biển* tường thuật lại hành trình ven biển từ biển Cảnh Dương huyện Quảng Trạch hướng đến vùng biển Nghệ Tĩnh: “Ngó ra mù tích là đá hòn Ông/ Ngoài sóng ngả một vùng rặng Lô/ Dãy Hoành Sơn lồ lộ cao phong/ Thuyền đi Yên Ngựa thẳng dong...” (Văn học dân gian Quảng Bình). Đây thực sự là bài ca nghề nghiệp phản ánh công việc của người làm nghề đánh bắt cá biển khơi. Họ như là những nhà thám hiểm, khám phá về đẹp hùng vĩ nên thơ của cảnh biển. Bộ phận về *Nhật trình biển* không chỉ thể hiện công việc đánh bắt cá mà còn ghi nhận một nghề mới, đó là nghề buôn và hoạt động giao thương bằng đường biển ở xứ Đàng Trong. Vào thời kì từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XVIII, ở Đàng Trong, việc giao thương buôn bán bằng đường biển đã rất thịnh hành. Bài về sau đây được sưu tầm tại Quảng Nam - Đà Nẵng (nơi có Hội An là thương cảng sầm uất của xứ Đàng Trong) phản ánh hành trình giao thương của các thương lái từ Huế đến Gia Định và ngược lại: “Kể từ Gia Định kể ra/ Từ mũi Thuận Hòa ngoài Huế kể vô/ Trên thời ngôi lập thành đô/ Dưới sông các lái ghe vô dập dìu/ Trên thời vua Thuần vua Nghiêu/ Dưới sông tập điều buôn bán nghinh ngang/ Trên thời ngôi lọt tòa vàng/ Dưới sông các lái nghênh ngang chạt bờ/ Trời động các lái trở vô/ Thuận An là chốn thuyền đô ra vào/ Ngó lên cửa Ải núi cao/ Ngược mặt nhìn vào bãi Chuối,

hang Dơi...” (Văn học dân gian Quảng Nam - Đà Nẵng).

Bài ca đã nêu lên một phong cảnh thái bình thịnh trị như thời vua Thuần, vua Nghiêu, cảnh trên bến dưới thuyền, cảnh sinh hoạt buôn bán tấp nập của xứ Đàng Trong từ Huế vào Gia Định.

Dấu ấn đậm nét nhất của cư dân ven biển chính là tâm thức biển. Tâm thức biển thể hiện trong niềm khát khao nghề chài lưới thuận lợi, đánh bắt được nhiều cá tôm. Niềm khát khao ấy biểu hiện rõ trong lễ Cầu Ngư gắn với diễn xướng hát bả trạo của cư dân ven biển miền Trung. Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông của cư dân biển Quảng Bình thể hiện: “Bà vô mười bảy tháng tư/ Vạn lo lập lễ cầu ngư lưới nghề”.

Nói đến sản vật vùng biển thì cá là loài được quan tâm nhiều nhất. Tên các loài cá theo cách gọi tên của người dân Quảng mang một sắc thái riêng, rất sinh động: “Cơm thang, cơm đồ bữa dày/ Cá mùa cá ầu chớ rày đầy ghe/ Cá lão, cá quít, cá bè/ Cá nục, cá trái, cá ve, cá dò/ Cá sông, cá rựa, cá bò/ Cá chù, cá dất, cá nam to thật nhiều...”.

Địa danh ven biển gắn liền với làng nghề chài lưới, các hải sản. Cá của vùng biển Việt Nam được xếp theo thứ tự ngon: “Chim, thu, nụ, đế”. Hải sản ở vùng biển rất phong phú: “Ai về Cửa Hội quê tôi/ Cá thu, cá mực, cá mèi thiếu chi”.

Người dân vùng biển, ngoài nghề đánh bắt cá trên biển, còn có nghề chế biến hải sản. Một trong những nghề thích hợp với người dân biển là nghề làm mắm. Hầu như cư dân vùng biển nào cũng làm nghề chế biến nước mắm, đặc biệt là cư dân các tỉnh miền Trung. Rất nhiều nơi ở vùng biển Quảng Nam làm mắm. Nước mắm Nam Ô

đã đi vào đời sống và đi vào văn học dân gian xứ Quảng nhiều thế hệ: “Nam Ô nước mắm thơm nồng/ Đi mô cũng nhớ mùi hương quê nhà”.

Nghề đi ra đảo lấy tổ yến cũng là nghề phụ quan trọng của cư dân ven biển. Cù Lao Chàm gồm 7 hòn đảo nhỏ: hòn Lao, hòn Tai, hòn Dài, hòn Mồ, hòn Lá, hòn Khô Mẹ và hòn Khô Con. Chim yến chỉ có ở hòn Khô, vì vậy dân gian mới truyền nhau câu: “Rủ nhau khăn gói ra Hòn/ Muốn ăn được yến phải lòn hang Khô”.

Tri thức về ẩm thực liên quan đến các sản vật biển khá phong phú. Nhum sống ở những gành đá ven bờ biển từ Bình Định đến Quảng Ngãi. Thịt nhum có thể kho để ăn cơm, trộn trứng chung cách thủy nhưng ngon nhất là làm mắm. Mắm nhum sền sệt, màu đỏ đục, thơm lừng, từng là đặc sản tiến vua xưa của người dân Quảng Ngãi nên ăn được món này quả là khó khăn: “Anh than với em cha mẹ anh nghèo/ Đồi dưa tre yếu ớt không dám quèo con mắm nhum”.

Những món hải sản mà người dân vùng biển thích theo bộ phận của cá và theo tháng: “Tróc cá chang, gan cá ghé”, “cá hồng thịt, cá đuối lòng”, “nhất gan cá ghé, nhì mang cá thiều”, “chuồn, gúng tháng ba, thu, da tháng bảy”.

Các món ăn ưa thích của người dân Quảng Bình dịp tết sau bánh chưng là các món hải sản: “Tết về câu đối, bánh chưng/ Chẳng ham giò chả, chỉ ưng ngừ, xèo”; “Nguyên chất nước mắm cá lằm/ Một thìa cũng giá bằng mâm cỗ đầy”; “Cá thiều mà nấu măng chua/ Một chút canh thừa cũng chẳng bỏ đi”.

Chát cay mặn trong khẩu vị của người dân miền Trung (đặc biệt là cư dân Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam) ít nhiều có

dấu ấn văn hóa biển. Người dân biển thích ăn cay uống mặn để chống chọi các gió rét ngoài khơi xa. Các món ăn hải sản cũng đều có vị mặn mòi. Hầu hết món ăn của người dân Quảng Bình đều có vị cay, đặc biệt là các món cá kho: “Cá bống kho tiêu/ Cá thiều kho ớt”. Người Quảng Bình thích các món có vị mặn: “Muối mà rang với ruốc khô/ Có chết xuống mồ cũng dậy mà ăn”⁽³⁾.

Tâm thức biển thể hiện trong cách nhìn người, xét việc. Người dân biển đòi hỏi rất cao phẩm chất của người phụ nữ. Do phải gánh vác công việc gia đình cho chồng đi biển vắng nhà lâu ngày, con gái vùng xóm chài Quảng Nam đều khéo léo, chịu khó, đảm đang: “Khéo khen con gái xóm chài/ Thức khuya dậy sớm chẳng nài lưới hư/ Lưới hư thì mặc lưới hư/ Tôi đi bắt ốc cũng dư nuôi chồng”.

Hình ảnh biển được sử dụng trong lối ẩn dụ, so sánh. Lối nói ví von so sánh lòng người đậm màu sắc biển của người dân Quảng Nam: “Lòng người thăm thăm mù khơi/ Không bờ không bến biết mô mà dò”.

Biển Đông biểu tượng cho sự bao la rộng lớn. Khi nói đến công lao to lớn của cha mẹ, người Việt nói: “Mẹ nuôi con biển, hồ lai láng”, hoặc: “Công cha như núi ngất trời/ Nghĩa mẹ như nước ngoài khơi Biển Đông”.

Sức mạnh đồng tâm hiệp lực, sự đoàn kết đồng lòng của vợ chồng được ví von qua hình ảnh Biển Đông: “Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn”.

Tóm lại, tri thức về biển trong văn học

⁽³⁾ Lê Đức Luận, Dương Thị Kim Phụng (2009), Sắc thái văn hóa Quảng Bình qua ca dao tục ngữ, những vấn đề khoa học xã hội và Nhân văn khu vực Bắc miền Trung, Nxb Nghệ An, Nghệ An.

dân gian thể hiện những hiểu biết về biển, khả năng ứng phó với biển của người Việt; tri thức đó có từ xa xưa, vào thời kì Hùng Vương. Biển không chỉ là vùng sinh sống lập nghiệp của người Việt, mà còn là nơi phát tích cội nguồn giống nòi với thủy tổ là Long Vương. Những chứng tích còn lưu lại trong truyền thuyết cho thấy người Việt là cư dân quản lí biển, khai thác và có hoạt động giao thương trên các đảo từ thời tiền sử. Tri thức về biển càng được củng cố bồi đắp qua quá trình lịch sử. Điều này thể hiện rõ trong quan niệm về chủ quyền, các ngành nghề đánh bắt chế biến hải sản, đặc điểm về ẩm thực đậm chất biển, phong tục tập quán tín ngưỡng và tính cách của cư dân ven biển thể hiện trong các thể loại ca dao, tục ngữ người Việt.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Bôn (2001), *Văn học dân gian Quảng Nam (miền biển)*, Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Nam, Đà Nẵng.
2. Nguyễn Đồng Chi (1993), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam (3 tập)*, Viện Văn học, Hà Nội.
3. Nguyễn Đồng Chi, Ninh Viết Giao (1984), *Ca dao Nghệ Tĩnh*, Sở Văn hóa - Thông tin Nghệ Tĩnh, Hà Tĩnh.
4. Mai Ngọc Chừ (2008), Văn hóa biển miền Trung trong mối quan hệ với văn hóa Biển Đông Nam Á, In trong cuốn "*Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ*", Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
5. Trần Hùng (Chủ biên) (1996), *Văn học dân gian Quảng Bình, tập 1*, Nxb Văn hóa Thông tin, Sở Khoa học công nghệ và Môi trường Quảng Bình, Quảng Bình.
6. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (chủ biên), Phan Đăng Tài, Nguyễn Thúy Loan, Đặng Diệu Trang (1995), *Kho tàng ca dao người Việt (4 tập)*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Hải Lê (2010), "Đặc trưng văn hóa biển của người Việt", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 315.
8. Lê Đức Luận (2002), "Địa danh sản vật và nghề nghiệp trong ca dao - tục ngữ Đà Nẵng", Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, số 4 (5), Hà Nội.
9. Lê Đức Luận (2005), "Sắc thái văn hóa Quảng Nam qua chèo cầu ngư", Tạp chí *Văn hóa Quảng Nam*, số 53.
10. Lê Đức Luận, Dương Thị Kim Phụng (2009), *Sắc thái văn hóa Quảng Bình qua ca dao tục ngữ, những vấn đề khoa học xã hội và Nhân văn khu vực Bắc miền Trung*, Nxb Nghệ An, Nghệ An.
11. Lê Đức Luận (2010), *Hệ thống biểu tượng trong truyền thuyết Việt Nam*, Thông báo Văn hóa dân gian, Hà Nội.
12. Oppenheimer, Stephen (2005), *Địa đàng ở phương đông - Lịch sử huy hoàng của một lục địa bị chìm ngập*, bản dịch tiếng Việt của Lê Sĩ Giảng và Hoàng Thị Hà, Trung Tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
13. Cao Xuân Phô (1994), "Văn hóa biển Đông Nam Á", trong *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4, Hà Nội.
14. Nguyễn Duy Thiệu (2009), *Đậm đà văn hóa biển miền Trung*, Bản tin Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, tập 4, Truyền thuyết dân gian người Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, tập 6, Truyện cổ tích thần kỳ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Trần Quốc Vượng (2000), "Việt Nam và Biển Đông", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 3, Hà Nội.
18. Viện nghiên cứu Văn hóa dân gian (2000), *Văn hóa dân gian làng ven biển*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

